BẢNG PHIÊN ÂM QUỐC TẾ (cập nhật năm 2020)

PHỤ ÂM (CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

🅭🅯🄯 2020 IPA

	Môi - môi	Môi - răng	Răng	Lợi	Sau lợi	Quặt lưỡi	Ngạc cứng	Ngạc mềm	Lưỡi con	Yết hầu	Thanh hầu
Tắc (miệng)	p b		t d			ʈ ɖ	c ɟ	k g	q ɢ		ʔ
Mũi	m	ɱ	n			ɳ	ɲ	ŋ	ɴ		
Rung	ʙ		r						ʀ		
Vỗ		ⱱ	ɾ			ɽ					
Xát	ɸ β	f v	θ ð	s z	ʃ ʒ	ʂ ʐ	ç ʝ	x ɣ	χ ʁ	ħ ʕ	h ɦ
Xát bên				ɬ ɮ							
Tiếp cận		ʋ	ɹ			ɻ	j	ɰ			
Tiếp cận bên			l			ɭ	ʎ	ʟ			

Trong mỗi ô, các kí hiệu bên phải tương ứng với âm hữu thanh, các kí hiệu bên trái tương ứng với âm vô thanh.
Những chỗ bôi đậm biểu thị các cấu âm không thể phát âm được.

PHỤ ÂM (KHÔNG CÓ LUỒNG HƠI TỪ PHỔI)

Âm chắt (âm click)	Âm hút vào hữu thanh	Âm phụt
ʘ Môi - môi	ɓ Môi - môi	ʼ Các ví dụ:
ǀ Răng	ɗ Răng/ lợi	pʼ Môi - môi
ǃ (Sau) Lợi	ʄ Ngạc cứng	tʼ Răng/Lợi
ǂ Lợi ngạc cứng	ɠ Ngạc mềm	kʼ Ngạc mềm
ǁ Lợi bên	ʛ Lưỡi con	sʼ Xát lợi

CÁC NGUYÊN ÂM

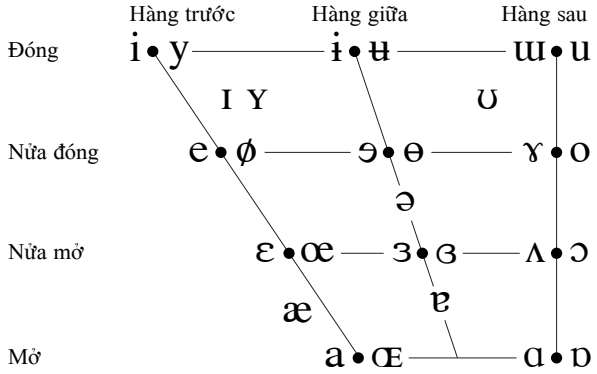

Khi các kí hiệu xuất theo cặp, kí hiệu bên phải tương ứng với một nguyên âm tròn môi.

CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- ʍ Âm xát môi - ngạc mềm vô thanh
- w Âm tiếp cận môi - ngạc mềm hữu thanh
- ɥ Âm tiếp cận môi - ngạc cứng hữu thanh
- ʜ Âm xát nắp họng vô thanh
- ʢ Âm xát nắp họng hữu thanh
- ʡ Âm tắc nắp họng
- ɕ ʑ Âm xát lợi - ngạc cứng
- ɺ Âm vỗ lợi bên hữu thanh
- ɧ Phát âm ʃ và x đồng thời

Các âm xát và các cấu âm đôi có thể được thể hiện bằng 2 ký hiệu, và nếu cần thiết, được liên kết bằng một dấu nối. t͡s k͡p

KÝ HIỆU PHI ĐOẠN TÍNH

ˈ	Trọng âm chính	ˌfoʊnəˈtɪʃən
ˌ	Trọng âm phụ	
ː	Dài	eː
ˑ	Nửa dài	eˑ
˘	Ngắn	ĕ
|	Nhóm ngữ điệu lớn	
‖	Nhóm ngữ điệu nhỏ	
.	Ranh giới âm tiết	ɹi.ækt
‿	Liền (không đứt đoạn)	

CÁC DẤU PHỤ

̥	Vô thanh	n̥	d̥	̤	Giọng thì thào	b̤	a̤	̪	Âm răng	t̪	d̪
̬	Hữu thanh	s̬	t̬	̰	Giọng kẹt	b̰	a̰	̺	Âm chóp lưỡi	t̺	d̺
ʰ	Bật hơi	tʰ	dʰ	̼	Lưỡi - môi	t̼	d̼	̻	Âm đầu lưỡi	t̻	d̻
̹	Tăng tròn môi	ɔ̹		ʷ	Môi hóa	tʷ	dʷ	̃	Mũi hóa	ẽ	
̺	Giảm tròn môi	ɔ̺		ʲ	Ngạc cứng hóa	tʲ	dʲ	ⁿ	Thoát hơi vào âm mũi	dⁿ	
̟	Đẩy ra	u̟		ˠ	Ngạc mềm hóa	tˠ	dˠ	ˡ	Thoát hơi vào âm bên	dˡ	
̠	Rút về	e̠		ˤ	Yết hầu hóa	tˤ	dˤ	̚	Âm tắc câm	d̚	
̈	Trung tâm hóa	ë		̴	Ngạc mềm hóa hoặc yết hầu hóa	ɫ					
̽	Bán - Trung tâm hóa	e̽		̞	Nâng cao	e̞	(ɹ̞ = âm xát lợi hữu thanh)				
̩	Âm tiết tính	n̩		̝	Hạ thấp	e̝	(β̝ = âm tiếp cận môi - môi hữu thanh)				
̯	Phi âm tiết tính	e̯		̘	Gốc lưỡi tiến	e̘					
˞	Âm sắc R	ɚ	ɑ˞	̙	Gốc lưỡi lui	e̙					

Nếu kí hiệu có móc dưới thì dấu phụ sẽ được đặt phía trên kí hiệu, ví dụ: ŋ̊

THANH ĐIỆU VÀ ÂM ĐIỆU TỪ

THANG ĐỘ			ĐƯỜNG NÉT		
ȅ	hoặc	˥ Đỉnh	ě	hoặc	˨˩˦ Lên
é		˦ Cao	ê		˥˩ Xuống
ē		˧ Trung	ě		˧˥ Lên từ trung
è		˨ Thấp	ȅ		˩˨ Lên từ thấp
ȅ̀		˩ Đáy	ȅ̂		˩˥˩ Lên xuống
↓		Xuống bậc	↗		Nhìn chung đi lên
↑		Lên bậc	↘		Nhìn chung đi xuống

Các phông chữ: Doulos SIL (phần chữ); Doulos SIL, IPA Kiel, IPA LS Uni (các kí hiệu)